

Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ

Huỳnh Thu Hiền

Đại học Tài chính- Kế Toán

Mục đích của nghiên cứu này là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng cho nông dân khu vực Nam Trung Bộ trong thời gian tới. Nghiên cứu được thực hiện với kích thước mẫu là 1.073 khách hàng là nông dân tại các xã thuộc 8 tỉnh Nam Trung Bộ. Sử dụng mô hình hồi quy nhị phân (Binary Logistic), kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 nhân tố tác động đến khả năng tiếp cận vốn của nông dân khu vực nông thôn Nam Trung Bộ là: Tâm lý của người đi vay vốn, năng lực tiếp cận vốn vay, chính sách tín dụng của ngân hàng, khả năng cung cấp dịch vụ của ngân hàng và các yếu tố khách quan từ môi trường bên ngoài. Trong đó, nhân tố chính sách tín dụng có tác động lớn nhất.

Từ khóa: nông dân, tiếp cận vốn tín dụng, Nam Trung Bộ

Study on factors affecting farmers' accessibility to bank credit in the South Central provinces

Abstract: The purpose of this study is to identify factors affecting the access to bank credit of farmers in the South Central provinces, from that, it proposes some recommendations which are to improve access to capital for farmers in South Central region in the coming time. The study is conducted from a sample of 1,073 customers working in the field of agricultural in communes of 8 provinces of South Central. Using the Binary Logistic model, the results show that there are 5 factors affecting the accessibility of capital of farmers in rural areas in the South Central region: Borrower mentality; Ability to access loans; Credit policy of the bank; Bank service capability and Objective factors the external environment. In which, the credit policy factor has the largest impact.

Keywords: farmer, access credit, Nam Trung Bộ

Hien Thu Huynh.

Email: huynhthuhen@tckt.edu.vn

University of Finance and Accountancy

Ngày nhận: 24/12/2019

Ngày nhận bản sửa: 08/02/2020

Ngày duyệt đăng: 17/03/2020

1. Đặt vấn đề

Các tỉnh Nam Trung Bộ của Việt Nam gồm 8 tỉnh trải dài từ Đà Nẵng đến Bình Thuận, thuộc khu vực cận giáp biển. Dân số trong vùng chủ yếu sống dựa vào nghề nông, với tỷ lệ hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm hơn 60%. Do đó, phát triển nông nghiệp có tác động rất lớn đến sự phát triển kinh tế của vùng.

Trong những năm gần đây, ngành Ngân hàng đã tích cực phối hợp với các địa phương tạo điều kiện cho nông dân vay vốn phát triển nông nghiệp và kinh doanh. Tuy nhiên, theo báo cáo từ Ngân hàng Nhà nước

Việt Nam (NHNN) chi nhánh các tỉnh Nam Trung Bộ thì việc đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn vẫn tồn tại nhiều khó khăn và bất cập, chỉ chiếm 21% dư nợ của nền kinh tế, khiến dư nợ cho vay hiện nay trên địa bàn còn khá khiêm tốn. Điều này cho thấy, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ là yêu cầu có tính cấp thiết hiện nay. Mục tiêu của bài viết là đánh giá mức độ tác động của các nhân tố đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng của nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng vay vốn của khách hàng khu vực nông nghiệp,

Bảng 1. Một số nghiên cứu thực nghiệm liên quan

Tác giả	Phương pháp và mẫu nghiên cứu	Kết quả nghiên cứu
Mikkel Barslund & Finn Tarp (2007)	Sử dụng mô hình Probit để phân tích 932 hộ nông dân thuộc thị trường tín dụng nông thôn ở 4 tỉnh Long An, Quảng Nam, Hà Tây, Phú Thọ vào quý 1/2003, với mục đích đánh giá các yếu tố quyết định nhu cầu tín dụng và phân bổ tín dụng.	Các nhân tố ảnh hưởng: Sở đỏ; khoảng cách đến trung tâm tỉnh; người phụ thuộc; thông tin vay vốn; giới tính; trình độ học vấn.
Lê Thị Tú Anh (2015)	Sử dụng mô hình Binary Logistic để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng của 202 hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, được thực hiện từ tháng 11- 12/2014.	Nhân tố ảnh hưởng gồm: Diện tích đất của hộ nông dân; tài sản; số lao động của hộ; thu nhập tích lũy; và số người phụ thuộc.
Vương Quốc Duy (2012)	Sử dụng mô hình lựa chọn 2 bước của Heckman để xác định các yếu tố quyết định vay và số tiền được vay của 325 hộ nông dân, được thực hiện trong khoảng thời gian tháng 5- 10/ 2009	Các yếu tố ảnh hưởng bao gồm: Nguồn vốn của hộ gia đình; tình trạng hôn nhân; quy mô gia đình; khoảng cách đến trung tâm; quy mô khoản tín dụng.
Trương Thị Phương Thảo (2013)	Sử dụng mô hình hồi quy Binary Logistic để phân tích khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của 242 nông hộ nuôi tôm của tỉnh Trà Vinh, vào quý 4/2012.	Các yếu tố ảnh hưởng gồm: Thu nhập bình quân; kinh nghiệm sản xuất; lãi suất vay; số lần vay; số tổ chức tín dụng; khoảng cách từ nơi sinh sống.
Hoàng Công Thắng (2010)	Mô hình hóa theo phương pháp nhân tố khám phá (EFA) nhằm khám phá ra nhân tố tác động đến mối quan hệ tín dụng của người dân vùng đồng bào dân tộc M'Nông của tỉnh Đak Nông, thời gian thực hiện từ tháng 11/2008-02/2009.	5 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng: Những trở ngại từ phong tục tập quán; hỗ trợ từ cơ quan tổ chức; kiến thức và sự năng động của người dân; thông tin, thủ tục và điều kiện đi lại; thái độ, năng lực của cán bộ và các điều kiện cho vay của ngân hàng.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

nông thôn trong thời gian tới.

2. Cơ sở lý thuyết

Đã có các nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng của nông dân nhưng chưa có nghiên cứu cụ thể về khả năng tiếp cận tín dụng của nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ (Bảng 1).

Trong nghiên cứu này, tác giả kế thừa, tham khảo một số nghiên cứu đi trước về các vấn đề liên quan để củng cố cơ sở lý thuyết và đề xuất mô hình nghiên cứu.

3. Dữ liệu, phương pháp và mô hình nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu và xử lý dữ liệu

Phương pháp nghiên cứu định tính

- Dựa trên các yếu tố từ các nghiên cứu tổng quan (Bảng 1), tác giả thực hiện thảo luận, tham khảo một số ý kiến từ cán bộ hoạt động tín dụng, trưởng phòng tín dụng và giám đốc phòng giao dịch của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) tỉnh Quảng Ngãi và trưởng phòng tín dụng của Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh Quảng Ngãi để đề xuất các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của nông dân, là cơ sở xây dựng bảng câu hỏi.

- Bảng câu hỏi được gửi đi khảo sát sơ bộ 30 nông dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Từ kết quả khảo sát sơ bộ và ý kiến của các chuyên gia về lĩnh vực tín dụng để điều chỉnh, bổ sung thêm cũng như loại bỏ những yếu tố không phù hợp.

- Xác định được 5 nhóm nhân tố tác động

có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ và 27 biến quan sát để đo lường các nhân tố (Hình 1 và Bảng 2). Cuối cùng thiết kế, xây dựng lại mô hình và bảng câu hỏi chính thức để tiến hành khảo sát và nghiên cứu định lượng. Bảng câu hỏi được thiết kế 3 phần gồm: Thông tin khách hàng, thông tin vay vốn và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ. Trong đó đánh giá mức độ ảnh hưởng các nhân tố theo thang đo Likert 5 mức độ (từ hoàn toàn không đồng ý đến hoàn toàn đồng ý).

Phương pháp nghiên cứu định lượng

- Sau khi có bảng câu hỏi chính thức, tác giả tiến hành gửi trực tiếp cho nông dân các huyện Đức Phổ, Trà Bồng, Bình Sơn thuộc tỉnh Quảng Ngãi; huyện Hoà Vang thuộc Thành phố Đà Nẵng; huyện Núi Thành, Thăng Bình và Bắc Trà My thuộc tỉnh Quảng Nam. Các tỉnh còn lại như Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hoà, Phú Yên và Bình Định, tác giả gửi trực tiếp bảng câu hỏi cho cán bộ cho cán bộ tín dụng của Agribank, NHCSXH và gửi trực tiếp đến các khách hàng.

Thời gian thực hiện khảo sát: Từ tháng 11/2017 đến 11/2018.

Số phiếu thu về hợp lệ để tiến hành nghiên cứu định lượng là 1.073 phiếu.

- Kết quả thu về được đưa vào phần mềm SPSS 20.0 để xử lý (phân tích Cronbach's alpha, phân tích nhân tố và phân tích hồi quy) để tìm ra những nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng của nông dân trên địa bàn Nam Trung Bộ.

3.2. Giả thiết và mô hình nghiên cứu

Các giả thiết nghiên cứu:

Giả thiết H₁: Tâm lý của người vay có tác động tiêu cực đến khả năng tiếp cận tín dụng của người vay.

Giả thiết H₂: Năng lực tiếp cận vốn vay của người vay có tác động tiêu cực đến khả năng tiếp cận tín dụng của người vay.

Giả thiết H₃: Chính sách tín dụng của ngân hàng có tác động tiêu cực đến khả năng tiếp cận tín dụng của người vay.

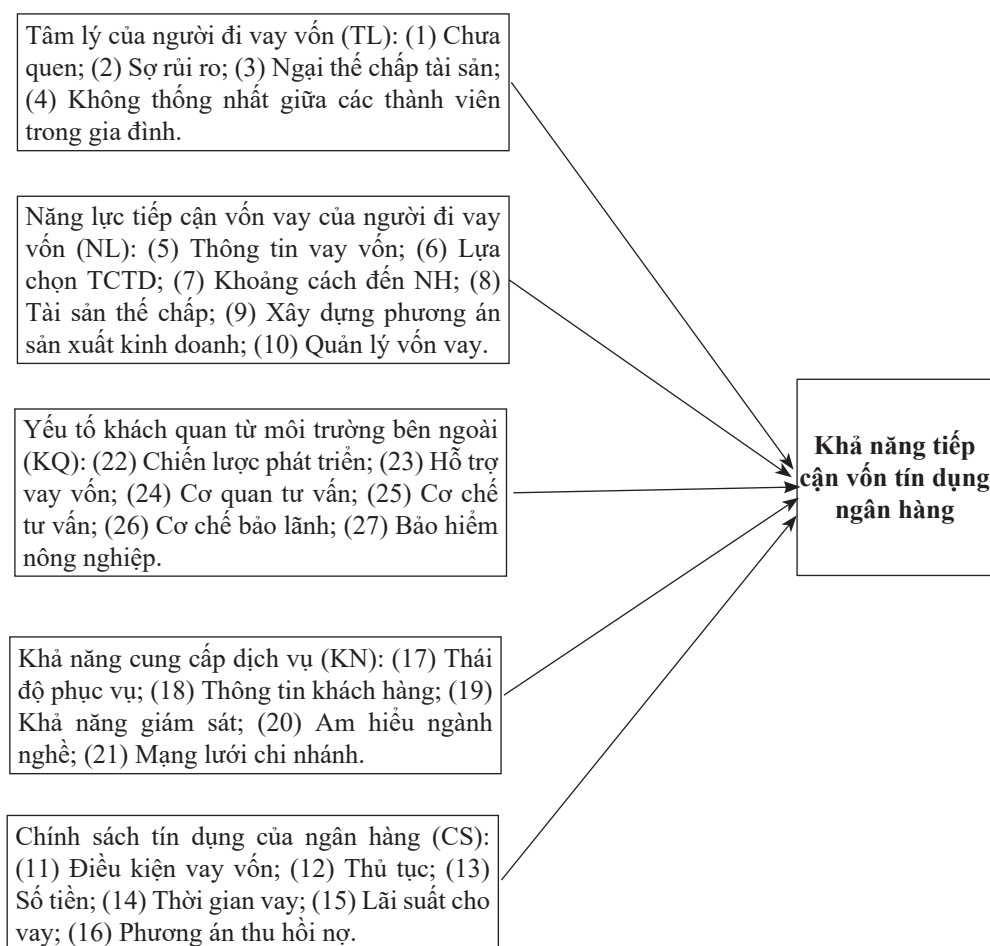
Giả thiết H₄: Khả năng cung ứng dịch vụ của ngân hàng có thể có tác động tích cực hoặc tiêu cực đến khả năng tiếp cận tín dụng của người vay.

Giả thiết H₅: Các yếu tố từ môi trường bên ngoài có thể có tác động tích cực hoặc tiêu cực đến khả năng tiếp cận tín dụng của người vay.

Khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của nông dân xảy ra hai khả năng là có thể tiếp cận và không thể tiếp cận.

4. Kết quả nghiên cứu

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Đề xuất của tác giả dựa trên nghiên cứu tổng quan

4.1. Mô tả mẫu nghiên cứu

Trong 1.073 nông dân tham gia trả lời khảo sát hợp lệ được thống kê như sau:

Thông tin về giới tính: Ở các địa phương được khảo sát phần lớn nam giới là chủ hộ.

Các hoạt động chính tạo thu nhập chính của nông dân

Trong 1.073 nông hộ được phỏng vấn, thì tỷ lệ các hoạt động tạo ra thu nhập chính của nông dân được thống kê như sau:

Số lượng ngân hàng hộ nông dân biết trên địa bàn

Trong 1.073 khách hàng được khảo sát thì 599 hộ đã biết từ 2 đến 5 ngân hàng trên địa bàn, chiếm tỷ trọng 55,8%; có 462 hộ biết

Bảng 2. Diễn giải các biến quan sát trong mô hình nghiên cứu

Khái niệm	Tên biến quan sát	Thang đo	Nguồn tham khảo
Tâm lý của người đi vay vốn (TL)	TL1: Chưa quen với việc vay vốn	Likert 1 - 5	Hoàng Công Thắng (2010), Dương Đăng Khoa (2016)
	TL2: Sợ rủi ro không trả được nợ	Likert 1 - 5	
	TL3: Ngại thế chấp tài sản	Likert 1 - 5	
	TL4: Hai vợ chồng không thống nhất vay vốn	Likert 1 - 5	
Năng lực tiếp cận vốn vay của người đi vay vốn (NL)	NL1: Không có thông tin về chính sách vay vốn của NH trên địa bàn	Likert 1 - 5	Mikkel Barslund & Finn Tarp (2007); Vương Quốc Duy (2012); Lê Thị Tú Anh (2015); Lê Khương Ninh & Phạm Văn Dương (2011)
	NL2: Không biết chọn ngân hàng thuận lợi để vay	Likert 1 - 5	
	NL3: Khoảng cách từ nơi ở đến ngân hàng xa	Likert 1 - 5	
	NL4: Không đủ tài sản để thế chấp	Likert 1 - 5	
	NL5: Chưa xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh	Likert 1 - 5	
	NL6: Không biết quản lý vốn hiệu quả	Likert 1 - 5	
Chính sách tín dụng của ngân hàng (CS)	CS1: Điều kiện cho vay cứng nhắc	Likert 1 - 5	Trương Thị Phương Thảo (2013); Nguyễn Phương Lê & Nguyễn Mậu Dũng (2011)
	CS2: Thủ tục cho vay phức tạp	Likert 1 - 5	
	CS3: Số tiền cho vay ít	Likert 1 - 5	
	CS4: Thời gian cho vay chưa phù hợp	Likert 1 - 5	
	CS5: Lãi suất cho vay cao	Likert 1 - 5	
	CS6: Phương án thu hồi nợ chưa linh hoạt	Likert 1 - 5	
Khả năng cung cấp dịch vụ (KN)	KN1: Thái độ phục vụ của nhân viên không nhiệt tình	Likert 1 - 5	Trương Thị Phương Thảo (2013), Hoàng Công Thắng (2010), Dương Đăng Khoa (2016), Huỳnh Thu Hiền (2016)
	KN2: Thiếu thông tin về tình hình người vay	Likert 1 - 5	
	KN3: Chưa giám sát được việc sử dụng vốn của người vay	Likert 1 - 5	
	KN4: Ít am hiểu về ngành nghề nông nghiệp, nông thôn	Likert 1 - 5	
	KN5: Mạng lưới chi nhánh còn ít	Likert 1 - 5	

Khái niệm	Tên biến quan sát	Thang đo	Nguồn tham khảo
Yếu tố khách quan từ môi trường bên ngoài (KQ)	KQ1: Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội chưa ổn định	Likert 1 - 5	Hoàng Công Thắng (2010), Dương Đăng Khoa (2016), Huỳnh Thu Hiền (2016)
	KQ2: Không hỗ trợ vay vốn	Likert 1 - 5	
	KQ3: Cơ quan khuyến nông, khuyến lâm,... chưa hỗ trợ	Likert 1 - 5	
	KQ4: Chưa có cơ quan tư vấn	Likert 1 - 5	
	KQ5: Chưa có cơ chế bảo lãnh tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn	Likert 1 - 5	
	KQ6: Chưa phát triển bảo hiểm nông nghiệp	Likert 1 - 5	
Khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của nông dân (TC)	TC = 0 nếu nông dân không tiếp cận được vốn tín dụng ngân hàng TC = 1 nếu nông dân tiếp cận được vốn tín dụng ngân hàng	Nhị phân	Trương Thị Phương Thảo (2013); Nguyễn Phương Lê & Nguyễn Mậu Dũng (2011), Dương Đăng Khoa (2016)

Nguồn: Đề xuất của tác giả dựa trên nghiên cứu tổng quan

Bảng 3. Đặc điểm mẫu theo giới tính

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ
Nam	808	75,3%
Nữ	265	24,7%
Tổng	1.073	100%

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu SPSS 20.0 của tác giả

4.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Thang đo các yếu tố trong nghiên cứu được đánh giá bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha. Qua kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cho thấy trong 27 biến đo lường thuộc 05 nhân tố ảnh hưởng thì có 02 biến

Bảng 4. Các hoạt động tạo thu nhập chính của hộ

Hoạt động tạo thu nhập	Số quan sát	Tỷ lệ
Trồng trọt (lúa, khoai, sắn, cây ăn quả,...)	453	42,2%
Chăn nuôi (gia súc, gia cầm,...)	89	8,3%
Khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy hải sản	118	11,0%
Lâm nghiệp	271	25,3%
Buôn bán (bán lẻ, bán buôn, đại lý...)	51	4,8%
Ngành nghề, dịch vụ (cắt tóc, may mặc, chụp ảnh, khâu vác...)	62	5,8%
Khác	29	2,7%
Tổng	1.073	100%

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu SPSS 20.0 của tác giả

dưới 2 ngân hàng (43,1%) và có 12 hộ biết nhiều hơn 5 ngân hàng (1,1%).

là Không thống nhất giữa các thành viên trong gia đình (TL4) và Lãi suất cho vay

Bảng 6. Kết quả phân tích Cronbach's Alpha

Thang đo	Số biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha
Tâm lý của người đi vay (TL)	4	> 0,3	0,702
Năng lực tiếp cận vốn của người đi vay (NL)	6	> 0,3	0,840
Chính sách tín dụng của ngân hàng (CS)	6	> 0,3	0,788
Khả năng cung cấp dịch vụ (KN)	5	> 0,3	0,938
Các yếu tố khách quan môi trường bên ngoài (KQ)	6	> 0,3	0,883

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu SPSS 20.0 của tác giả

Bảng 8. Kết quả hồi quy Binary Logistic

Biến giải thích	β	S.E.	Wald	df	Sig.	Exp(β)
H1: Tâm lý của người đi vay	-0,263	0,109	5,787	1	0,016	0,769
H2: Năng lực tiếp cận vốn của người vay	-1,940	0,203	91,307	1	0,000	0,144
H3: Chính sách TD của NH	-2,501	0,252	98,801	1	0,000	0,082
H4: Khả năng cung cấp DV	-2,324	0,194	143,632	1	0,000	0,098
H5: Các yếu tố MT bên ngoài	-1,208	0,192	39,634	1	0,000	0,299
Hằng số	30,422	2,253	182,326	1	0,000	1.6E + 13

Chi-Square: 508,558
Sig. = 0,000
Xác suất báo trúng: 88,1%

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu SPSS 20.0 của tác giả

(CS5) có hệ số tương quan biến tổng < 0,3 nên loại khỏi Mô hình, các biến còn lại đều có hệ số tương quan biến tổng > 0,3; hệ số Cronbach's Alpha > 0,7 (Bảng 6) nên đạt yêu cầu về độ tin cậy (Nunnally và cộng sự, 1994). Do đó 25 biến này đủ điều kiện để được sử dụng trong bước phân tích nhân tố EFA.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA của thành phần cho thấy trong số 25 biến quan sát đo lường thuộc 5 nhóm nhân tố trên đã trích vào 5 nhân tố giữ nguyên gốc 5 nhân tố này trong khung nghiên cứu đề xuất tại giá trị riêng lớn hơn 1 và phương sai trích là 66,099% (>50%) (Bảng 7), cho thấy

các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố và phân chênh lệch đạt yêu cầu (Gerbing & Anderson, 1988). Bên cạnh đó, hệ số KMO = 0,814 với giá trị Sig. rất nhỏ cho thấy kết quả phân tích nhân tố đáng tin cậy (Hair và cộng sự, 2006). Do đó, các biến đo lường thuộc 5 nhân tố được tiếp tục đưa vào phân tích hồi quy nhị phân.

Bảng 8 trình bày mô hình hồi quy nhị phân đầy đủ về các yếu tố có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng của nông dân khu vực Nam Trung Bộ. Mô hình gồm 5 nhân tố: (1) Tâm lý của người đi vay; (2) Năng lực tiếp cận vốn của người đi vay; (3) Chính sách tín dụng của ngân hàng;

Bảng 7. Kết quả EFA cho các thang đo thành phần ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng ngân hàng

Biến quan sát	Thành phần				
	1	2	3	4	5
TL1: Chưa quen với việc vay vốn					0,848
TL2: Sợ rủi ro không trả được nợ					0,884
TL3: Ngại thế chấp tài sản					0,850
NL1: Không có TT về CS vay vốn			0,671		
NL2: Không biết chọn NH			0,764		
NL3: Khoảng cách đến NH			0,838		
NL4: Không đủ tài sản thế chấp			0,851		
NL5: Chưa xây dựng được PAKD			0,679		
NL6: Không biết quản lý vốn			0,653		
CS1: Điều kiện CV cứng nhắc				0,722	
CS2: Thủ tục CV phức tạp				0,793	
CS3: Số tiền cho vay ít				0,750	
CS4: Thời gian CV chưa phù hợp				0,840	
CS6: PA thu hồi nợ chưa linh hoạt				0,729	
KN1: Thái độ phục vụ	0,890				
KN2: Thiếu TT về KH vay vốn	0,900				
KN3: Chưa giám sát SD vốn	0,884				
KN4: Ít am hiểu ngành nông nghiệp	0,879				
KN5: Mạng lưới chi nhánh ít	0,907				
KQ1: Chiến lược phát triển KT-XH		0,786			
KQ2: Không hỗ trợ vay vốn		0,812			
KQ3: CQ khuyến nông chưa hỗ trợ		0,842			
KQ4: Chưa có cơ quan tư vấn		0,770			
KQ5: Chưa có cơ chế bảo lãnh TD		0,735			
KQ6: Chưa phát triển bảo hiểm NN		0,819			
KMO= 0,814; Sig. = 0,000					
Eigenvalues	16,271	15,233	13,569	11,929	9,098
Phương sai trích (%)	16,271	31,504	45,073	57,001	66,099

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu SPSS 20.0 của tác giả

(4) Khả năng cung cấp dịch vụ; (5) Yếu tố khách quan từ môi trường bên ngoài có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của nông dân các tỉnh Nam

Trung Bộ.

Kết quả phân tích hồi quy nhị phân cho thấy hệ số Sig = 0,000 và xác suất báo

trúng là 88,1%. Vậy mô hình phù hợp với dữ liệu thu thập, biến độc lập giải thích được 88,1% mức độ ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ. Phương trình hồi quy đối với các biến đã chuẩn hoá có dạng như sau:

$$TC = 30,422 - 0,263 TL - 1,940 NL - 2,501 CS - 2,324 KN - 1,208 KQ.$$

Như vậy, từ bảng hồi quy trên ta thấy các hệ số $\beta < 0$, điều này chứng tỏ với 5 nhóm nhân tố được đưa vào mô hình hồi quy Binary Logistic thì đều có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng của nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ. Các nhân tố này đều có tác động cản trở trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng của nông dân Nam Trung Bộ, phù hợp với giả thiết ban đầu đưa ra. Tiếp theo là xem xét mức độ cản trở việc tiếp cận của từng nhân tố dựa vào giá trị tuyệt đối của hệ số β , giá trị này của nhân tố nào càng lớn thì mức độ ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận càng cao và ngược lại.

- Nhân tố Chính sách tín dụng của ngân hàng (CS): Đây là nhân tố có tác động mạnh nhất đến khả năng tiếp cận tín dụng của người vay ($\beta = 2,501$). Người vay vốn cho rằng các nhân tố như điều kiện, thủ tục, số tiền, thời gian cho vay và phương án thu hồi nợ của ngân hàng đều có ảnh hưởng đến việc tiếp cận vốn tín dụng của người vay. Để có thể nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng cho người vay thì các ngân hàng thương mại (NHTM) cần chính sách tín dụng thích hợp giúp người nông dân có thể đáp ứng được các điều kiện vay vốn, thủ tục vay vốn đơn giản để người nông dân dễ thực hiện, với số tiền vay đủ để sản xuất kinh doanh và có thể trả nợ đúng hạn cho tổ chức tín dụng.

- Nhân tố Khả năng cung cấp dịch vụ của ngân hàng (KN): Đây là nhân tố có ảnh hưởng quan trọng thứ hai đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của người vay ($\beta = 2,324$), bao gồm các biến: thái độ phục vụ của nhân viên ngân hàng, thông tin về khách hàng vay vốn, giám sát sử dụng vốn, am hiểu về ngành nghề nông nghiệp, mạng lưới chi nhánh. Thông qua các nhân tố này, NHTM sẽ điều chỉnh, nâng cao khả năng cung cấp dịch vụ của ngân hàng, chú ý hơn đến công tác đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực cho vay nông nghiệp, nông thôn.

- Nhân tố Năng lực tiếp cận vốn vay của người nông dân (NL): Nhân tố này cũng có tác động tiêu cực đến khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng của khách hàng vay vốn với hệ số hồi quy $\beta = 1,940$. Nghiên cứu định tính cho thấy các chủ thể có tài sản thế chấp thấp với trình độ xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, quản lý vốn và khả năng tiếp cận thông tin, chính sách vay vốn của ngân hàng bị hạn chế sẽ làm cho việc tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng bị giới hạn; điều này cũng phù hợp với nghiên cứu định lượng.

- Nhân tố Khách quan từ môi trường bên ngoài (KQ) với hệ số $\beta = 1,208$, cho thấy đây là nhân tố thứ tư ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của nông dân. Nếu các khách hàng vay vốn có được sự hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ của các tổ chức xã hội, các cơ quan khuyến nông, khuyến ngư... về lập hồ sơ vay vốn, giới thiệu ngân hàng, hướng dẫn lập phương án sản xuất. Thêm vào đó, khi Nhà nước có chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn phù hợp, có cơ quan tư vấn và trợ giúp pháp lý, có cơ chế bảo lãnh tín dụng và phát triển bảo hiểm nông nghiệp... thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người nông dân trong việc tiếp cận tín dụng ngân hàng.

- Nhân tố Tâm lý của người đi vay (TL): Nhân tố này có ảnh hưởng nhưng không đáng kể được thể hiện qua hệ số $\beta = 0,263$ bởi các yếu tố như chưa quen với việc vay vốn, ngại rủi ro hay ngại thể chấp tài sản chỉ còn tồn tại ở một bộ phận nhỏ của khách hàng ở những vùng sâu vùng xa.

5. Kết luận và một số khuyến nghị

Xuất phát từ mục đích tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ, kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 nhân tố có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn gồm: (1) Tâm lý của người đi vay; (2) Năng lực tiếp cận vốn của người đi vay; (3) Chính sách tín dụng của ngân hàng; (4) Khả năng cung cấp dịch vụ; (5) Yếu tố khách quan từ môi trường bên ngoài với các mức độ ảnh hưởng khác nhau, trong đó nhân tố Chính sách tín dụng của ngân hàng là có ảnh hưởng lớn nhất.

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm giúp các tổ chức tín dụng (TCTD) xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng của nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ.

Đối với các tổ chức tín dụng

- *Chính sách tín dụng của NHTM*: Đây là yếu tố có tác động mạnh nhất đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng của nông dân. Do đó, các NHTM cần xây dựng chính sách tín dụng phù hợp với người nông dân, cụ thể như: Các TCTD cần cải thiện thủ tục cho vay đơn giản, linh hoạt, phù hợp với trình độ người dân, tránh tình trạng người nông dân phải đi lại nhiều lần và chờ đợi quá lâu; các TCTD cần thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với chính quyền các cấp, các tổ chức

chính trị- xã hội như Hội nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ,... nhằm tăng cường phối hợp hướng dẫn người dân cách xây dựng dự án vay vốn, sử dụng đồng vốn hợp lý, đảm bảo quản lý nợ và rủi ro, vốn cho vay phải gắn kết với các chương trình phát triển kinh tế của địa phương.

- *Khả năng cung cấp dịch vụ*: Để có thể phục vụ khách hàng vay vốn một cách tốt nhất, cụ thể là nông dân các tỉnh Nam Trung Bộ, các TCTD cần cải tiến cách thức, thái độ phục vụ, với đối tượng vay vốn là người dân nông thôn với trình độ dân trí và mức độ tiếp cận với các dịch vụ ngân hàng còn thấp nên nhân viên ngân hàng cần phải hướng dẫn cụ thể, chi tiết, dễ hiểu.

Với mục tiêu là cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thì các nhân viên tín dụng hoạt động trong lĩnh vực này cần tìm hiểu kỹ hơn về thông tin khách hàng cũng như ngành nghề nông nghiệp để có phương án cho vay, thu nợ hợp lý, phù hợp với đặc điểm riêng của hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Theo kết quả phân tích mô tả từ khảo sát (Bảng 5) cùng với nghiên cứu sơ bộ ban đầu cho thấy, hiện nay trên địa bàn nông thôn các tỉnh Nam Trung Bộ, mật độ các chi nhánh NHTM phục vụ nông nghiệp, nông thôn còn khá ít, chủ yếu tập trung ở NHCSXH và Agribank. Vì vậy, các TCTD cần tăng cường mở rộng mạng lưới chi nhánh để có thể phục vụ người nông dân một cách tốt nhất.

Ngoài việc cung cấp vốn cho người dân, các TCTD cần phải tìm mọi biện pháp để giúp người dân biết rõ thông tin về hoạt động cho vay thông qua các hình thức phổ biến, thông qua chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể địa phương, tuyên

truyền, báo đài...

Đối với các cơ quan liên quan

Kiến nghị đối với Nhà nước, các cơ quan, ban ngành có liên quan đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng của nông dân để cải thiện mức độ ảnh hưởng của các yếu tố khách quan từ môi trường bên ngoài như chiến lược phát triển kinh tế xã hội, sự hỗ trợ của cơ quan khuyến nông hay các tổ chức bảo lãnh tín dụng, tổ chức bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- Nhà nước nói chung và chính quyền các tỉnh Nam Trung Bộ cần xác định rõ chiến lược phát triển kinh tế- xã hội, đặc biệt là chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn nhằm tạo môi trường chính trị xã hội ổn định để những nhà đầu tư vào lĩnh vực này có thể an tâm.

- Chính phủ và chính quyền địa phương nên đầu tư vốn cho cơ sở hạ tầng giao thông, viễn thông ở các vùng nông thôn, vùng xa để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ hàng hóa nông sản, và người dân có thể có điều kiện tiếp cận nguồn vốn ngân hàng và các dịch vụ ngân hàng.

Chính quyền địa phương, các ngân hàng và các tổ chức xã hội cần đặc biệt chú ý đến sự chủ động tiếp cận vốn vay, khả năng quản lý, sử dụng vốn vay của người dân.

- Các cơ quan khuyến nông, khuyến ngư cần chủ động tổ chức các chương trình tập huấn về cây trồng vật nuôi phù hợp với đặc điểm tự nhiên của vùng để bà con nông dân có thêm kiến thức trong quyết định nuôi trồng, sản xuất của mình.

- Nhà nước cần có các giải pháp khuyến khích các tổ chức bảo hiểm tham gia hoạt

động bảo hiểm nông nghiệp để có thể giúp người dân cũng như các TCTD giảm thiểu rủi ro khi hoạt động sản xuất nông nghiệp gặp biến cố.

Đối với nông dân

- *Năng lực tiếp cận vốn vay của người dân:* Người nông dân cần có kế hoạch sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn vay phù hợp, hiệu quả, chủ động ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất kinh doanh đồng thời, nâng cao trình độ nhận thức để có thể đưa các phương thức sản xuất tiên tiến vào và có thể sử dụng đồng vốn vay được một cách hiệu quả hơn.

- Để hạn chế sự cản trở do năng lực tiếp cận của người vay làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng, nông dân cần tự giác học tập, bồi dưỡng kiến thức bằng nhiều hình thức như thường xuyên theo dõi các tin tức liên quan đến các chương trình khuyến nông, khuyến ngư để học tập kinh nghiệm, bổ sung kiến thức về ngành nghề đang hoạt động. Mặt khác, phải thường xuyên quan tâm đến các chính sách tín dụng của Nhà nước áp dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông thôn, cũng cần tìm hiểu thêm thông tin về quy trình và thủ tục cho vay, lãi suất, các khoản phải trả, quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi vay vốn... của các TCTD. Để có phương hướng sản xuất phù hợp, hiệu quả và chuẩn bị tốt điều kiện và có thể tiếp cận được vốn tín dụng tốt hơn.

- Cần mạnh dạn tham gia vào các tổ chức đoàn thể ở địa phương như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ... để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, cũng như các lợi ích khác do tổ chức mang lại. Là thành viên của các hội đoàn thể, nông dân sẽ có cơ hội thuận lợi trong tiếp cận thông tin tín dụng và tranh thủ được các nguồn vốn hỗ trợ để đầu

tư sản xuất ■

Tài liệu tham khảo

1. Anderson, J.C & Gerbing, D.W, 1988, *Structural Equation Modeling in Practice: A Review and Recommended Two- step Approach*, *Psychological Bulletin*, 103(3), 411 – 423.
2. Dương Đăng Khoa, 2016, *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng của các hộ nông dân ở tỉnh Bắc Kạn*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh Thái Nguyên.
3. Hoàng Công Thắng 2010, *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng nhằm mục đích giảm nghèo của đồng bào dân tộc M'Nông tỉnh Đak Nông*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2005, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Thống Kê.
5. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức.
6. Huỳnh Thu Hiền, 2016, *Khả năng tiếp cận vốn tín dụng của nông hộ trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi*, Tạp chí Khoa học tài chính kế toán, số 08, tháng 12/2016, trang 20–25.
7. Lê Khương Ninh, Phạm Văn Dương, 2011, *Phân tích các yếu tố quyết định lượng vốn vay tín dụng chính thức của hộ nông dân ở An Giang*, Tạp chí Công nghệ ngân hàng, số 60, trang 8 – 15.
8. Lê Thị Tú Anh, 2015, *Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ tỉnh Vĩnh Long*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Tài chính- Marketing.
9. Mikkel Barslund & Finn Tarp, 2007, *Formal and informal Rural Credit in Four Provinces of Viet Nam*, Discussion papers, Department of Economics University of Copenhagen, No 07-07.
10. Nguyễn Phương Lê, Nguyễn Mậu Dũng, 2011, *Khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức của hộ nông dân ngoại thành Hà Nội: Nghiên cứu điển hình tại xã Hoàng Văn Thụ, huyện Chương Mỹ*, Tạp chí Khoa học và Phát triển, số 5/2011, trang 844 -852.
11. Nguyễn Quốc Nghi, 2011, *Khả năng tiếp cận nguồn tín dụng chính thức của hộ nghèo*, Tạp chí Ngân hàng số 7 tháng 4/2011.
12. Nunnally J.C, Bernstein I.H, 1994, *Psychometric theory (3rd)*, Mc Graw Hill Newyork.
13. Trương Thị Phương Thảo, 2013, *Phân tích khả năng tiếp cận vốn tín dụng chính thức của hộ nuôi tôm tỉnh Trà Vinh*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Cần Thơ.
14. Vương Quốc Duy, 2012, *Determinants of household access to fomal credit in the rural areas of the Mekong Delta, Vietnam*, MPRA paper No. 38202.